

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 03-02-2026.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Bộ.
2. Bà Dương Thị Ngọc Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Xóm X, xã L, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lại Thế D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lại Thế D tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn ngày 19/7/2010 tại UBND xã B, huyện T (nay là UBND xã H), tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là các cháu Lại Thế K, sinh ngày 19/6/2011, Lại Thế V, sinh ngày 10/3/2016. Để không làm thay đổi môi trường sống và học tập của cháu; hơn nữa, bản thân chị và anh D đều có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định; khi ly hôn chị yêu cầu Tòa án giao cháu V cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Lại Thế D: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D đều không có mặt.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa:

Vợ chồng anh Lại Thế D và chị Nguyễn Thị Q cư trú tại thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa. Từ cuối năm 2024, chị Q không còn sinh sống cùng anh D. Do anh D mất việc, gia đình phải bán xe tải nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị Q mang tiền bán xe và hai con về bên ngoại ở Nghệ An, sau đó giao con lớn cho anh D nuôi dưỡng, còn chị và con nhỏ tiếp tục sống tại Nghệ An. Hiện anh D sống cùng con lớn và mẹ già tại địa phương, làm nghề lái xe thuê.

Nguyện vọng của cháu K và cháu V: Khi anh D, chị Q ly hôn, cháu K muốn được ở với bố; cháu V muốn được ở với mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 97, 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 51, 63 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 227 và 334 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q,

- Về hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lại Thế D.

- Về con chung: Giao cháu Lại Thế V cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lại Thế K cho anh Lại Thế D trực tiếp nuôi dưỡng; anh D, chị Q không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa các đương sự có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn, bị đơn cư trú tại xã Hoạt Giang, tỉnh Thanh Hoá. Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hoá căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Lại Thế D không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân:

[2.1] Chị Q và anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 19/7/2010 tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Q thì nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp; từ giữa năm 2024 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Lời khai của chị Q phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của vợ chồng anh chị về tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh D không có mặt theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Q để Tòa án tiến hành hòa giải; chị Q cũng có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Điều đó thể hiện tình trạng mâu thuẫn trầm trọng giữa anh D và chị Q, cả hai anh chị đều không có thiện chí hợp tác giải quyết thuận vợ chồng; đời sống chung trong thời kỳ hôn nhân giữa anh D và chị Q trên thực tế đã không còn.

[2.3] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Q, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa của chị Q; căn cứ vào kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của chị Q và anh D; căn cứ vào thái độ không hợp tác giải quyết vụ án của anh D; căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh D đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống. Việc yêu cầu Ly hôn của chị Q là có căn cứ, với lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trên, xử cho chị Q được ly hôn anh D.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị Q và anh D có 02 con chung là cháu K và cháu V. Xét yêu cầu của chị Q về việc nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với tình cảm và trách nhiệm của người mẹ dành cho con cái. Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của các

đương sự, việc giao cháu V cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là bảo đảm quyền lợi cho các cháu, đồng thời bảo đảm quyền và nghĩa vụ của chị Q, anh D, cũng như nguyện vọng của các cháu nên chấp nhận yêu cầu của chị Q.

[3.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q và anh D đều có đủ điều kiện nuôi con, mỗi người đều trực tiếp nuôi dưỡng 01 con, đã có sự đối trừ quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa hai anh chị, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q về việc chị Q và anh D không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[4] Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); anh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83; khoản 1 Điều 88; khoản 1 Điều 107; Điều 110; khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Lại Thế Dân.

- Về con chung: Công nhận các cháu Lại Thế K, sinh ngày 19/6/2011, Lại Thế V, sinh ngày 10/3/2016 là các con chung của chị Nguyễn Thị Q và anh Lại Thế D. Giao cháu V cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu K cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; anh D, chị Q không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; anh D, chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn); trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Q đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, theo biên lai thu số 0003069 ngày 17/11/2025. Công nhận chị Q đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 6;
- THADS T.Thanh Hoá;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Lê Tiến Thịnh